

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

Số: 31 /2019/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Thuận, ngày 11 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2570/TTr-SXD ngày 30 tháng 8 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 3. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng

1. Sở Xây dựng: Cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng cấp I, cấp II, công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và công trình thuộc dự án đầu tư của tổ chức (không bao gồm nhà ở riêng lẻ của tổ chức và công trình nằm trong khu, cụm công nghiệp); công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng thuộc địa giới hành chính do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý; công trình trạm BTS cấp I, cấp II (là công trình có chiều cao từ 75 m đến dưới 300 m tính từ cao độ mặt đất tới Điểm cao nhất của công trình); công trình quảng cáo có quy mô kết cấu công trình là cấp I, cấp II (là công trình có kết cấu dạng cột, trụ, tháp có chiều cao trên 28 m đến 200 m tính từ cao độ mặt đất tới Điểm cao nhất của công trình).

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp: Cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng trong các khu công nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 ban hành kèm theo Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh (kể cả các công trình cấp I, II, vốn đầu tư nước ngoài đầu tư trong khu công nghiệp và công trình quảng cáo), trừ công trình quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện): Cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng cấp III, cấp IV (không phân biệt nguồn vốn); công trình xây dựng trong các Cụm công nghiệp, làng nghề (kể cả công trình quảng cáo); công trình tín ngưỡng dân gian; công trình trạm BTS cấp III, cấp IV (là công trình có chiều cao dưới 75 m từ cao độ mặt đất tới Điểm cao nhất của công trình); công trình quảng cáo cấp III, cấp IV (là công trình có kết cấu dạng cột, trụ, tháp có chiều cao ≤ 28 m tính từ cao độ mặt đất tới Điểm cao nhất của công trình và công trình có kết cấu dạng khối xây gạch/đá/bê tông); công trình của hộ kinh doanh cá thể; công trình nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa (kể cả nhà ở riêng lẻ của tổ chức) thuộc địa bàn do thành phố, thị xã, các huyện quản lý, trừ các công trình quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

4. Công trình xây dựng thuộc đối tượng được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng, nếu có nhu cầu cấp giấy phép xây dựng thì phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng như khoản 1, 2, 3 Điều này.”.

2. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Quy mô công trình cấp giấy phép xây dựng có thời hạn

1. Thuộc khu vực có quy hoạch phân khu xây dựng hoặc khu vực thị trấn có quy hoạch chung tỷ lệ 1/2000 (khu vực không bắt buộc lập quy hoạch phân khu) và có quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, công bố nhưng chưa thực hiện và chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Công trình, nhà ở riêng lẻ cấp giấy phép xây dựng có thời hạn có quy mô tầng cao không quá 02 tầng (01 trệt, 01 lầu), tổng diện tích sàn không quá 500 m². Công trình được tồn tại đến khi nhà nước triển khai theo quy hoạch được phê duyệt.”.

3. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Các yêu cầu khác về cấp giấy phép xây dựng

1. Các tài liệu khác của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng:

- Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy; Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Các đối tượng công trình được xem xét cấp giấy phép xây dựng có thời hạn phải có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai với mục đích sử dụng phù hợp với công năng của công trình xây dựng (trừ công trình xây dựng có mục đích sử dụng gây ô nhiễm môi trường, có nguy cơ cháy, nổ; các công trình theo quy định phải di dời ra khỏi khu dân cư).

2. Công trình xây dựng trong phạm vi ranh giới đồ án quy hoạch chung đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải thực hiện cấp giấy phép xây dựng theo quy định và phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng như khoản 1 Điều 1 Quyết định này.”.

4. Bãi bỏ Điều 6.

5. Khoản 1 và khoản 4 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Phối hợp với các cơ quan liên quan cung cấp các loại giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định để cấp giấy phép xây dựng đối với các tổ chức.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan hữu quan kiểm tra định kỳ các chủ thể sử dụng đất xây dựng đảm bảo các quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở có liên quan trong quá trình xây dựng công trình; kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với dự án, công trình thuộc diện phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập kế hoạch bảo

vệ môi trường; kiểm tra việc thực hiện trong quá trình thi công đối với dự án, công trình thuộc diện phải có giấy phép khai thác tài nguyên nước và xả nước thải.

c) Phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh kiểm tra, rà soát việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất của các chủ thể sử dụng đất là tổ chức.”

...

“4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Hướng dẫn, thỏa thuận, cung cấp thông tin về lĩnh vực đề điều, phòng chống thiên tai cho các cơ quan cấp giấy phép xây dựng và tổ chức, cá nhân khi được yêu cầu.”

6. Khoản 3 Điều 12 được bổ sung như sau:

“3. Việc điều chỉnh, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình đã được cấp giấy phép xây dựng trước quyết định này thì thẩm quyền điều chỉnh, cấp lại giấy phép xây dựng thực hiện theo phân cấp được quy định tại Điều 3 Quyết định này.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2019. Ngoài nội dung điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này, các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn; các tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận :

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chánh, các PVP UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Đài PT-TH Bình Thuận;
- Báo Bình Thuận;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTTHC, TH, ĐTQH XD. Thiện

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban Nhân
dân tỉnh Bình Thuận
Ngày ký: 11.10.2019
10:32:33 +07:00

Nguyễn Ngọc Hai